

TỪ BI - GIÁ TRỊ NHÂN BẢN CỦA ĐẠO PHẬT

Đặng Thị Lan (*)

Từ bi là giá trị cơ bản và nền tảng trong đạo Phật. *Từ* có nghĩa là hiền hoà ban cho sự vui, thể hiện lòng khoan dung độ lượng; *bi* là thông cảm, thương xót cứu giúp cho hết khổ. Quan điểm từ bi trong đạo Phật không chỉ dừng lại ở việc đem tình thương yêu đến cho con người mà còn đến cả muôn loài.

Trong Ngũ giới (Năm điều ngăn cấm cơ bản của đạo Phật), giới đầu tiên là "Cấm sát sinh", người tu hành theo đạo Phật phải ăn chay. Điều đó phù hợp với tinh thần Từ bi mà đạo Phật khởi xướng. Xưa nay nói đến đạo Phật, người ta nghĩ ngay đó là đạo của sự từ bi, người theo đạo Phật là người có lòng từ bi. Chính vì điểm này mà đạo Phật đã nhanh chóng lan toả một cách dễ dàng trên thế giới và ngày nay đã trở thành một trong những tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất.

Hiểu đúng giá trị nhân bản này của đạo Phật sẽ có ý nghĩa giáo dục nhất định đối với đạo đức con người. Theo chúng tôi, tinh thần từ bi trong đạo Phật có thể được hiểu trên những khía cạnh sau đây:

1. Xuất phát từ tâm từ bi đạo Phật chủ trương "Cấm sát sinh", tôn trọng sự sống

Đạo Phật dạy con người yêu thương muôn vật, tôn trọng sự sống. Người tu theo đạo Phật ăn chay cũng là để bảo vệ sự sống cho các loài hữu tình. Trong kinh Phật dạy: "Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai

cũng sợ chết. Vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết!".

Song cũng phải thấy rằng, giới đầu tiên này của đạo Phật khi đi vào cuộc sống gặp không ít khó khăn. Dù vô tình hay hữu ý những người tu Phật cũng rất dễ phạm giới. Chính vì vậy, khi chúng ta học tập, tiếp thu tinh thần nhân bản của Phật giáo, chúng ta nên cố gắng giữ lấy điều cốt yếu của giới này: Không được giết người, không được giết hại sinh vật một cách vô lý! Nói rộng ra: Không gây chiến tranh huỷ diệt con người và môi trường sống, bảo vệ hoà bình, bảo vệ môi sinh...

Trong kinh Dị giáo, Phật còn dạy: "Bất đắc trảm phạt thảo mộc, khẩu thổ quật địa", tức là người không nên sát hại loài thực vật một cách vô cớ, thô bạo, không nên khai phá thổ nhượng một cách vô ý thức. Theo quan niệm của người phương Đông, con người là một "tiểu vũ trụ" tồn tại trong "đại vũ trụ" nên cần coi trọng mối tương thông, sự hài hoà giữa con người và tự nhiên.

Như vậy, nếu chúng ta hiểu đúng tinh thần của giới này, chúng ta sẽ thấy được tính nhân văn, hợp lý của nó trong cuộc sống của con người.

Ở Việt Nam, ngay trong lịch sử, sự "vận dụng sáng tạo" triết lý *Từ bi* cấm sát sinh của đạo Phật đã thể hiện rất rõ trong tư tưởng của các nhà sư trong hai triều đại Lý - Trần, đặc biệt ở Tuệ Trung Thượng sĩ. Ông là một ngôi sao sáng

(*) Khoa Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

trong vườn thiên Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp Thiên học của ông không chỉ ảnh hưởng sâu sắc đến vua Trần Nhân Tông, Thiên phái Trúc Lâm mà còn đến lịch sử tư tưởng dân tộc.

Đối với Tuệ Trung, con đường giác ngộ không phải là thực hành giáo lý một cách máy móc, phương châm giác ngộ của ông là đạo phải gắn với đời, với cuộc sống. Vì vậy, trong khi quân giặc đang giày xéo quê hương đất nước mà cứ khư khư ôm lấy giới luật (không sát sinh) thì là quá "chấp", quá máy móc. Ông cho rằng, người Phật tử phải sống hoà mình với dân tộc, con đường giác ngộ không được thoát ly khỏi hoàn cảnh của đất nước. Việc trước tiên là phải cầm gươm lên ngựa đuổi giặc, giải phóng non sông, lấy giải phóng dân tộc làm điều kiện tiên quyết để "giải thoát" cá nhân.

Sau này, trong các cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống Pháp và chống Mỹ đã có rất nhiều những tấm gương tăng ni, Phật tử "*cởi áo cà sa, khoác chiến bào*" ra trận, anh dũng hy sinh vì nền độc lập của dân tộc.

Như vậy, "cấm sát sinh" trong đạo Phật cũng cần được hiểu một cách mềm dẻo, người tu Phật không nên câu nệ, không nên "chấp" vào giáo lý mà vẫn có thể gắn việc đạo với việc đời, gắn việc giải thoát của cá nhân với lợi ích của Tổ quốc. Đôi khi để bảo vệ sự sống người Phật tử vẫn phải sát sinh, lấy cái chính nghĩa chống lại cái phi nghĩa.

2. Phật giáo chủ trương bình đẳng, đem tình yêu thương đến mọi người

Từ bi là biểu hiện của tình thương bao la không giới hạn, hoàn toàn vị tha không gợn chút vị kỷ. Điều đó được bắt

đầu bằng sự chứng giải nguyên lý nguyên sơ "*Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính*" (tất cả chúng sinh đều có Phật tính) của đạo Phật. Để nuôi dưỡng và thực hiện tâm từ bi thì yêu cầu đầu tiên của người Phật tử, những người sống và tu tập theo giáo lý của đạo Phật là phải có được cái tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh.

Tư tưởng bình đẳng là một trong những nét hết sức tiến bộ của đạo Phật. Đạo Phật ra đời vào thế kỷ VI trước công nguyên, lúc này ở Ấn Độ cổ đại, tình trạng phân biệt đẳng cấp rất nghiêm ngặt. Chính vì vậy, sự công nhận quyền bình đẳng giữa con người với con người mà đạo Phật nêu ra đã rất phù hợp với tâm tư nguyện vọng của quần chúng lao động. Phật đã từng dạy: "Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn"...

Chúng ta cũng có thể tìm thấy tư tưởng nhân bản của Đức Phật khi ngài cư xử với Ưu Bà Li, người vốn sinh ra và lớn lên trong giai cấp thấp hèn nhất xã hội lúc bấy giờ. Thường ngày Ưu Bà Li làm nghề cạo râu cho dòng họ Thích Ca. Chỉ khi Đức Phật về Ca Bì La giảng đạo, Ưu Bà Li mới giác ngộ mà xin theo ngài. Tương truyền khi ấy có nhiều đệ tử hỏi Đức Phật rằng: "Ưu Bà Li thuộc dòng dõi thấp hèn sao lại đứng ngang hàng với dòng dõi cao quý?". Đức Phật dạy rằng: "Bốn dòng sông lớn chung vào biển đều thành nước mặn, người bốn họ xuất gia đều thành họ Thích ca cả".

Phật tính bình đẳng với tất cả mọi chúng sinh, không phân biệt giai cấp, lứa tuổi, không có kẻ oán, người thân. Đức Phật đã thu nạp vào trong tổ chức

giáo hội tất cả mọi người ở các đẳng cấp, không phân biệt giàu nghèo, nam nữ...

Phật giáo còn cho rằng, tất cả mọi người đều bình đẳng về mặt nghiệp báo luân hồi và về phương diện thành tựu chính quả; không kể chủng tính, chức nghiệp cao thấp, đều căn cứ vào nghiệp báo của bản thân để quyết định sinh tử luân hồi; cơ hội, điều kiện để thành tựu chính quả là như nhau.

Phật gọi chúng đệ tử của mình là "Tăng đoàn", nghĩa của chữ "Tăng" là sự hoà hợp chúng, nếu dịch sát nghĩa thì phải dịch là "quần chúng xum họp vui hoà". Muốn cho quần chúng xum họp vui hoà để trở thành Tăng phải dựa trên sự bình đẳng về lợi ích, sự thống nhất mục đích.

Vấn đề bình đẳng nam nữ được đề cập đến trong Phật giáo ở một nước phương Đông như Ấn Độ là một cuộc cách mạng lớn trong tư tưởng. Đa phần các nước phương Đông có tư tưởng trọng nam khinh nữ. Ở Trung Quốc, Nho giáo bắt người phụ nữ phải chịu Tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử); Đạo Hồi là đạo ra đời sau Phật giáo rất lâu mà tư tưởng bình đẳng nam nữ còn là một vấn đề không thể chấp nhận được. Phật ví pháp của mình như một trận mưa lớn, mưa xuống, mọi loài đều được hưởng, không phân biệt loại cây cỏ làm thuốc hay loại cây cỏ hoang dại...

Tóm lại, trong Phật giáo, tư tưởng bình đẳng được đề cao. Ta có thể dễ dàng tìm thấy tư tưởng này trong bất kỳ Kinh luận nào của Phật giáo. Phật giáo cho rằng: mọi người đều như nhau, mọi người đều bình đẳng, phải yêu thương lẫn nhau. Hãy nhìn thế giới xung quanh

bằng ánh mắt vị tha hơn, bao dung hơn. Với tâm từ bi, với lòng yêu thương con người, Phật giáo đã phá đi hàng rào ngăn cách vô nhân đạo giữa con người với con người[1].

3. Xuất phát từ tình yêu thương bao la đối với con người, đạo Phật chủ trương giải thoát con người khỏi đau khổ

Phật giáo quan niệm đời là khổ. Vì vậy vấn đề *diệt khổ* giải thoát cho con người là vấn đề trọng yếu của đạo Phật. Điều này được Phật lý giải cặn kẽ thông qua "Tứ diệu đế" (Bốn chân lý kỳ diệu) mà Phật giác ngộ được.

Song cái khổ mà Phật giáo quan niệm rộng hơn cái khổ thông thường mà chúng ta vẫn nghĩ. Ngoài những cái khổ thông thường của một kiếp người như: sinh, lão, bệnh, tử... đạo Phật còn đề cập đến một cái khổ sâu sa hơn mà người đời không phải ai cũng thấy: *khổ vì phải trôi lăn mãi trong vòng sinh tử luân hồi*. Vì vậy, mục đích cuối cùng của đạo Phật là *giải thoát* con người ra khỏi vòng luân hồi đó, đạt đến cảnh giới Niết bàn, không còn luân hồi sinh tử.

Trong kinh điển của Phật giáo có ghi lời dạy của đức Phật rằng: Đại dương dù rộng lớn cũng chỉ có một vị, ấy là vị muối mặn, giáo lý của đức Phật cũng vậy, mặc dù những lời dạy của Ngài cũng bao la như đại dương, nhưng cũng chỉ có một mục tiêu, đó là *chấm dứt đau khổ cho con người*.

Có thể thấy rằng, vấn đề *giải thoát* con người là vấn đề cơ bản được thể hiện một cách nhất quán trong giáo lý đạo Phật. Song, sự *giải thoát* theo Phật giáo chỉ ra không phải là nhằm tiêu diệt

những áp bức về kinh tế, chính trị mà là nhằm *phá tâm* bằng ba phương diện chủ yếu là giới - định - tuệ (Tam học) để đạt đến Niết bàn. Muốn đạt được điều đó, con người phải tu dưỡng thân tâm để chuyển hoá dần từ lượng đến chất. Con đường này chỉ có thể là con đường tự phấn đấu của mỗi cá nhân, không ai có thể làm thay được.

Phật giáo và triết học Mác-Lênin đều lấy con người làm điểm xuất phát và hướng đến mục đích cuối cùng là tự do, hạnh phúc cho toàn thể loài người. Tuy nhiên con người mà Phật giáo đề cập là con người cá nhân, con người đang bị ràng buộc và làm nô lệ cho các sở cầu tham vọng của mình. Vì vậy, cần phải tu tập, dứt bỏ dục vọng, loại trừ vô minh, chặt đứt cây *nghiệp* để tự giải thoát. Phật giáo hạn chế ở chỗ không đặt con người trong những mối quan hệ xã hội: những quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị... mà chỉ chú ý về mặt đạo đức, con người tự giải thoát bắt đầu bằng việc hoàn thiện đạo đức. Vì vậy, "*đây chính là điểm mạnh về mặt lý tưởng hoá song lại là điểm yếu về phương diện hiện thực hoá của đạo đức Phật giáo*"[2].

4. Mẫu người lý tưởng trong đạo Phật là con người "Từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha"

Đạo Phật đề cập đến thuyết "*vô thường, vô ngã*". Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới đều trải qua 4 thời kỳ: *Thành - Trụ - Hoại - Không*, đối với con người là *Sinh - Trụ - Di - Diệt*. Con người chỉ là giả tướng do *Tứ đại* hợp thành mà thôi. Nó là giả nhưng vẫn tồn tại thật, giống như tiên giả vậy, giả mà vẫn tồn tại. Chính vì vậy, đạo Phật chủ trương *vô ngã* (không có cái tôi). Triết lý

vô thường, vô ngã đã trở thành cơ sở lý luận cho phương thức sống của những người tu tập theo giáo lý nhà Phật.

Xét về mặt nào đó, điều này có ý nghĩa tích cực nhất định. Thông qua quy luật vô thường, tư tưởng vô ngã, đạo Phật đã giáo dục cho con người: cuộc sống thật là hữu hạn, đó vốn là quy luật của nó. Mọi người ai cũng sinh ra, trưởng thành, già lão, ốm đau rồi chết và còn bao điều may rủi khác, chưa chắc đã đi hết được quy luật vô thường. Vì vậy con người đừng có tham cầu thái quá, đừng có vì mình, vợ vét cho mình nhiều quá, hãy nghĩ đến đồng loại, đến mọi người bằng tình thương và việc làm có ích, giúp cho mọi người bớt khổ đau. Khi đem lại cho người khác niềm vui thì tâm mình cũng thấy vui, đem lại niềm vui cho người khác mà mình không mong được báo đáp. Đó chính là tinh thần *từ bi, hỷ xả* của nhà Phật.

Không chỉ những người tu hành mà tất cả mọi người đều cần sống có đạo đức, có trí tuệ... để xây dựng cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn, con người đối xử với con người nhân ái hơn.

Mẫu người lý tưởng mà đạo Phật đề ra là con người đã từ bỏ được *tham ái, dục vọng*, đã được *giải thoát*. Đó là những con người có lòng nhân ái bao la, yêu thương mọi người; thông cảm với nỗi đau khổ của người khác như của chính mình và tìm cách giảm nhẹ nỗi đau khổ đó; thành thực chia sẻ niềm vui với người khác như chính niềm vui của mình; làm mọi điều có ích cho mọi người mà trong tâm không một chút đắn đo tính toán, không mong được báo đáp, không cầu lợi, cầu danh... Thiết nghĩ, đó cũng chính là những phẩm chất đạo đức của con người

mà hiện nay chúng ta đang cố gắng xây dựng để đạt được.

Đạo Phật là một tôn giáo thế giới, giàu tính nhân văn. Lý tưởng của đạo Phật là cứu giúp cho con người thoát khổ, giáo dục tình thương yêu giữa con người với con người, giữa con người với muôn vật. Tư tưởng nhân văn bác ái đó đã dễ dàng chinh phục được lòng người. Những yếu tố tích cực trong giáo lý nhà Phật: Lòng nhân ái, vị tha, đức hy sinh vì người khác, sự hướng thiện... là những phẩm chất mà xã hội nào cũng rất cần. Đạo Phật khuyên con người sống với nhau giản dị, chân thật, lương thiện, đặc biệt là tích cực tu dưỡng đạo đức cá nhân là cửa ngõ để tiến vào *giác ngộ, giải*

thoát. Tuy nhiên vì là một tôn giáo nên trong hệ thống giáo lý của mình, đạo Phật có nhiều chỗ tỏ ra huyền bí (quan niệm về nghiệp, kiếp, luân hồi)... Theo chúng tôi đây cũng chính là chỗ tạo ra cái *thiên* của mọi tôn giáo. Song giá trị từ bi của đạo Phật có những đóng góp nhất định trong việc giáo dục đạo đức cho con người. Đạo Phật cũng mơ ước xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái ngay trên trần thế, giáo dục con người thành những con người nhân đạo, vị tha... Quan điểm đó không xa lạ, không đối lập với thế giới quan Mác - Lênin mà chỉ khác nhau khi lý giải nguyên nhân, con đường và phương tiện đạt được mục đích mà thôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thơ, *Đạo đức Phật giáo với kinh tế thị trường*, Triết học số 7/2002, tr. 31.
2. J. Nehru, *Phát hiện ấn Độ*, Tập 1, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1990, tr.1990-1991.
3. Minh Chi, *Về xu thế thế tục hoá và dân tộc hoá của Phật giáo*, Nghiên cứu Tôn giáo, số 3/2001.
4. Nguyễn Đức Diện, *Mối quan hệ giữa đạo đức và giải thoát trong Thiên học của Tuệ Trung Thượng sĩ*, Triết học, số 6/1998.
5. Võ Đình Cường, *Mấy suy nghĩ về tính chất nhân bản của Phật giáo*, Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội 1986.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXII, N_o1, 2006

VIRTUE-BUDDHISM'S HUMANITIES VALUE

Dr. Dang Thi Lan

*Departments of Philosophy,
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

Virture Buddhism's foundation value. Buddhism advise the people don't kill for food, respect for life. Buddhism's conception on the social equality is progress. Buddhism's purpose is hepl people out of misery and lead them in to the peaceful, happoness life, the progressive factor in the Buddhism: mercy charity, indulgence, good heart... are praiseworthy qualities. They are resessary for any society.

Stadying Buddhism's virtuos value - Humannities value is meaning very important for the moral education of our country at Present.